

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lập Môi trường (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây lập Môi trường được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Xây lập Môi trường Nhân Cơ - TKV theo Quyết định cổ phần hóa số 2611/QĐ-TKV ngày 09 tháng 11 năm 2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R’Lấp, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
- Điện thoại : 05013 649366
- Fax : 05013 649355

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Xây lập và hoạt động khai thác khoáng sản.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Phạm Tuấn Ngọc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Minh Phúc	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Kim Ngọc Nhân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Văn Trung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Ngô Khánh Toàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2021

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Bà Đinh Thị Thủy	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Lương Xuân Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2021

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Trần Văn Trung	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Khanh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Văn Trung – Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Văn Trung

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

814
NH
NG
HỆ
N
&
H
A

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.041.413.099	69.819.779.472
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	205.501.621	1.172.288.757
1. Tiền	111		205.501.621	172.288.757
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.773.422.254	52.407.442.891
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	63.678.087.212	51.354.658.890
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	30.000.000	1.000.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	378.197.897	349.446.856
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(312.862.855)	(296.662.855)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		16.057.395.240	16.204.588.822
1. Hàng tồn kho	141	V.6	16.057.395.240	16.204.588.822
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.093.984	35.459.002
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.634.162	32.161.611
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	3.459.822	3.297.391
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		-	1.846.603
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	1.846.603
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	-	1.846.603
<i>Nguyên giá</i>	222		107.241.975.420	107.341.475.420
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(107.241.975.420)	(107.339.628.817)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		80.041.413.099	69.821.626.075

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		21.753.206.262	10.643.803.761
I. Nợ ngắn hạn	310		21.753.206.262	10.643.803.761
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	17.204.700.156	4.772.503.163
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	8.732.050	1.312.481.613
4. Phải trả người lao động	314		112.337.000	79.314.915
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		60.000.000	193.040.315
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.456.522	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	388.276.143	331.759.364
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.954.704.391	3.954.704.391
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.288.206.837	59.177.822.314
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	58.288.206.837	59.177.822.314
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		506.801.386	506.801.386
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.781.405.451	8.671.020.928
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.671.020.928	8.671.020.928
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(889.615.477)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		80.041.413.099	69.821.626.075

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Văn Trung

Lê Thị Hiền

Trịnh Quốc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	14.344.919.807	11.042.781.629
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14.344.919.807	11.042.781.629
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	14.047.610.780	5.565.083.436
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		297.309.027	5.477.698.193
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.147.554	57.436.208
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	1.180.822.443	2.364.541.681
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(876.365.862)	3.170.592.720
11. Thu nhập khác	31	VI.5	22.727.273	643
12. Chi phí khác	32	VI.6	35.976.888	104.181.885
13. Lợi nhuận khác	40		(13.249.615)	(104.181.242)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(889.615.477)	3.066.411.478
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	-	531.270.602
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(889.615.477)	2.535.140.876
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(178)	507
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	(178)	507

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền

Trịnh Quốc Sơn

Giám đốc



Trần Văn Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(889.615.477)	3.066.411.478
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.7	1.846.603	826.495.366
- Các khoản dự phòng	03	16.200.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.727.273)	-
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(894.296.147)	3.892.906.844
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(11.382.341.794)	(9.224.111.723)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	147.193.582	5.127.861.894
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	11.558.145.571	(3.576.989.939)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	30.527.449	12.513.235
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.9	(448.743.070)	(124.186.269)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(989.514.409)	(3.892.005.958)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	22.727.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	22.727.273	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

10

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(1.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(966.787.136)	(5.092.005.958)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	1.172.288.757	6.264.294.715
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	205.501.621	1.172.288.757

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thị Hiền

Trịnh Quốc Sơn

Trần Văn Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản.
- Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác quặng Bauxite, Buôn bán nguyên nhiên liệu, Xây dựng và lắp đặt các công trình dân dụng, Cho thuê máy móc và thiết bị.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Đặc điểm hoạt động**
Trong năm, Công ty chưa tìm kiếm được các dự án mới nào, cũng chưa thực hiện việc thanh lý tài sản cố định. Tiếp tục phối hợp với các Ban Quản lý dự án của Tập đoàn (Chủ đầu tư) hoàn thiện hồ sơ quyết toán các công trình của Công ty thực hiện trước thời điểm cổ phần trên nguyên tắc đảm bảo giá trị vốn Chủ sở hữu của Công ty trước khi Tập đoàn chào bán cổ phần lần đầu.
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 07 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 35 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

12

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa, phí đường bộ và bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này nhưng không quá 3 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	8-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8-10

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

22/C
H
U HAI
U VA
01
P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

10. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

14. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	205.501.621	172.288.757
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
Cộng	205.501.621	1.172.288.757

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>63.126.717.357</i>	<i>50.671.813.035</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	32.522.151.329	32.555.151.329
Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV	4.812.836.508	6.930.138.370
BQL Dự án Tổ hợp Bauxit Nhôm Lâm Đồng	4.450.581.401	4.450.581.401
BQL Dự án Nhà máy Alumina Nhân Cơ - Vinacomin	21.341.148.119	6.735.941.935
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>551.369.855</i>	<i>682.845.855</i>
Các khách hàng khác	551.369.855	682.845.855
Cộng	63.678.087.212	51.354.658.890

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc – Công ty Công nghiệp Xây dựng mỏ	-	1.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	30.000.000	-
Cộng	30.000.000	1.000.000.000

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	374.399.627	-	343.362.841	-
Các khoản phải thu khác	3.798.270	-	6.084.015	-
Cộng	378.197.897	-	349.446.856	-

5. Nợ phải thu khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Xây dựng TMDV sản xuất Trường Thịnh Đắk Nông	Trên 3 năm	266.662.855	(266.662.855)	Trên 3 năm	296.662.855	(296.662.855)
Công ty TNHH SX-XD Thương mại Xanh Việt	Từ 2 – 3 năm	66.000.000	(46.200.000)		-	-
Cộng		332.662.855	(312.862.855)		296.662.855	(296.662.855)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	296.662.855	296.662.855
Trích lập dự phòng bổ sung	46.200.000	-
Hoàn nhập dự phòng	(30.000.000)	-
Số cuối năm	312.862.855	296.662.855

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.364.896.609	-	1.427.781.164	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang:	14.692.498.631	-	14.776.807.658	-
<i>Dự án Hồ bùn đỏ Lâm Đồng (*)</i>	5.975.477.645	-	5.975.477.645	-
<i>Dự án Trạm hệ thống điện Diesel Lâm Đồng (*)</i>	695.381.076	-	695.381.076	-
<i>Dự án Đập thải quặng đuôi Nhà máy Alumina Nhân Cơ (*)</i>	909.771.163	-	909.771.163	-
<i>Dự án Khoang số 3 Hồ bùn đỏ Lâm Đồng(*)</i>	7.111.868.747	-	7.111.868.747	-
<i>Các dự án khác</i>	-	-	84.309.027	-
Cộng	16.057.395.240	-	16.204.588.822	-

(*) Là giá trị còn lại của các công trình đã hoàn thành đang chờ được quyết toán do Ban Quản lý Dự án đang làm thủ tục quyết toán với chủ đầu tư (Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam).

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	11.636.984.488	59.071.290.739	36.338.828.253	294.371.940	107.341.475.420
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(99.500.000)	(99.500.000)
Số cuối năm	11.636.984.488	59.071.290.739	36.338.828.253	194.871.940	107.241.975.420
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.636.984.488	59.037.199.830	36.338.828.253	194.871.940	107.241.975.420
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	11.636.984.488	59.069.444.136	36.338.828.253	294.371.940	107.339.628.817
Khấu hao trong năm	-	1.846.603	-	-	1.846.603
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(99.500.000)	(99.500.000)
Số cuối năm	11.636.984.488	59.071.290.739	36.338.828.253	194.871.940	107.241.975.420
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	1.846.603	-	-	1.846.603
Số cuối năm	-	-	-	-	-
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Vật tư Thiết bị Kỹ thuật Hạ tầng	447.884.626	447.884.626
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Thiên Sơn	395.783.013	824.427.558
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đoàn Bảo An	414.130.327	1.026.549.016
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư TK	337.845.812	550.705.369
Công ty TNHH Khai thác Nước ngầm Thịnh Hưng	861.363.822	861.363.822
Công ty Xây dựng Công nghiệp mỏ - CN Tổng công ty Đông Bắc	13.605.206.184	-
Các nhà cung cấp khác	<u>1.142.486.372</u>	<u>1.061.572.772</u>
Cộng	<u>17.204.700.156</u>	<u>4.772.503.163</u>

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	837.678.283	-	35.780.966	(866.587.200)	6.872.049	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	450.603.071	-	-	(448.743.070)	1.860.001	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.297.391	(162.431)	-	-	3.459.822
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	24.200.259	-	-	(24.200.259)	-	-
Cộng	<u>1.312.481.613</u>	<u>3.297.391</u>	<u>38.618.535</u>	<u>(1.342.530.529)</u>	<u>8.732.050</u>	<u>3.459.822</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(889.615.477)	3.066.411.478
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	83.976.888	152.181.885
<i>Tiền phạt, lãi chậm nộp thuế và bảo hiểm</i>	35.976.888	24.200.259
<i>Thù lao HĐQT không điều hành</i>	48.000.000	48.000.000
<i>Các khoản khác</i>	-	79.981.626
Thu nhập tính thuế	(805.638.589)	3.218.593.363
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	643.718.673
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(193.115.602)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	450.603.071
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	80.667.531
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	<u>531.270.602</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

10. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	165.000.000	69.000.000
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Các khoản khác	9.000.000	9.000.000
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	156.000.000	60.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	223.276.143	262.759.364
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	10.085.120	16.847.355
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	62.480.000	62.480.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	150.711.023	183.432.009
Cộng	388.276.143	331.759.364

11. Vốn chủ sở hữu**11a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	50.000.000.000	506.801.386	6.135.880.052	56.642.681.438
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	2.535.140.876	2.535.140.876
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	506.801.386	8.671.020.928	59.177.822.314
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	506.801.386	8.671.020.928	59.177.822.314
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(889.615.477)	(889.615.477)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	506.801.386	7.781.405.451	58.288.206.837

11b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam)	34.219.000.000	34.219.000.000
Các cổ đông khác	781.000.000	781.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

11c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	-	44.217.200
Doanh thu hợp đồng xây lắp	13.277.460.167	8.101.382.612
Doanh thu cho thuê xe và thiết bị thi công	470.249.495	2.504.454.545
Doanh thu dịch vụ khác	597.210.145	392.727.272
Cộng	<u>14.344.919.807</u>	<u>11.042.781.629</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam		
Thi công dự án Bình Định - Hồ núi 1	-	2.285.851.037
Cho thuê thiết bị	-	1.965.000.000
Bán vật tư	-	44.217.200

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	44.217.200
Giá vốn dịch vụ xây lắp	13.277.460.167	5.108.378.265
Giá vốn cho thuê xe và thiết bị thi công	481.698.545	193.913.450
Giá vốn dịch vụ khác	288.452.068	218.574.521
Cộng	<u>14.047.610.780</u>	<u>5.565.083.436</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là các khoản lãi tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tương đương tiền.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	771.328.370	908.311.515
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	2.772.575
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.846.603	826.495.366
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	16.200.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.852.952	44.888.595
Các chi phí khác	366.594.518	579.073.630
Cộng	<u>1.180.822.443</u>	<u>2.364.541.681</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản	22.727.273	-
Thu nhập khác	-	643
Cộng	<u>22.727.273</u>	<u>643</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	35.976.888	26.809.622
Chi phí khác	-	77.372.263
Cộng	35.976.888	104.181.885

7. Lãi trên cổ phiếu**7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(889.615.477)	2.535.140.876
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(889.615.477)	2.535.140.876
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(178)	507

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.964.157	61.848.183
Chi phí nhân công	1.008.728.370	1.182.920.205
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.846.603	826.495.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.480.379.784	210.274.022
<i>Trong đó: chi phí thuê phụ</i>	<i>13.277.460.167</i>	-
Chi phí khác	574.320.727	582.073.630
Cộng	15.081.239.641	2.863.611.406

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.12.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Minh Phúc – Phó Chủ tịch HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Ông Ngô Khánh Toàn – Thành viên HĐQT (từ 13/10/2021)	-	12.000.000	12.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân – Thành viên HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Ông Trần Văn Trung – Thành viên HĐQT/ Giám đốc	207.267.000	12.000.000	219.267.000
Bà Đinh Thị Thủy – Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Lương Xuân Quang – Thành viên BKS (từ 14/7/2021)	-	12.000.000	12.000.000
Ông Trần Minh Đức – Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Văn Khanh – PGĐ	1.507.380	-	1.507.380
Cộng	208.774.380	96.000.000	304.774.380

Năm trước

Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Minh Phúc – Phó Chủ tịch HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Ông Ngô Khánh Toàn – Thành viên HĐQT (từ 13/10/2021)	-	2.500.000	2.500.000
Ông Đoàn Xuân Hiệu – Thành viên HĐQT (đến 13/10/2021)	-	9.500.000	9.500.000
Ông Kim Ngọc Nhân – Thành viên HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Ông Trần Văn Trung – Thành viên HĐQT/ Giám đốc	256.803.000	12.000.000	268.803.000
Bà Đinh Thị Thủy – Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Lương Xuân Quang – Thành viên BKS (từ 14/7/2021)	-	5.500.000	5.500.000
Ông Lê Mạnh Cường – Thành viên BKS (đến 14/7/2021)	-	6.500.000	6.500.000
Ông Trần Minh Đức – Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Văn Khanh – PGĐ	81.130.830	-	81.130.830
Cộng	337.933.830	96.000.000	433.933.830

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH VIETNAM	Công ty mẹ
Công ty TNHH CM Xây dựng	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Công ty con cùng Tập đoàn

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Cổ đông lớn (sở hữu 30% vốn điều lệ)
Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng – TKV	Công ty con của cổ đông lớn
BQL Dự án Tổ Hợp Bauxit Nhôm Lâm Đồng	Đơn vị trực thuộc cổ đông lớn
BQL Dự án Nhà máy Alumina Nhân Cơ - Vinacomin	Đơn vị trực thuộc cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam		
Trả cổ tức thông qua cầm trừ công nợ phải thu	-	1.200.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.12.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thị Hiền

Trịnh Quốc Sơn

Trần Văn Trung

1.1.11.11
NỘI